TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2023/HSST
Ngày 17/01/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Khải và ông Phan Xuân Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/HSST ngày 23/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/HSST - QĐ ngày 04/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Đ V H, sinh năm 1995 tại huyện V L, tỉnh H Y; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Ph L, xã V H, huyện V L, tỉnh H Y; Quốc tịch: Việt Nam;Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Đ V Đ (Đã chết) và bà N T T; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Ngày 20/12/2019, Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh H Y xử 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 03/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù và ngày 25/8/2021, Tòa án nhân dân thị xã M H, tỉnh H Y xử 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 200.000 đồng), đến ngày 28/5/2022 chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/9/2015, Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh H Y quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H Y; Có mặt.

2. D V D, sinh năm 1980 tại huyện V L, tỉnh H Y; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã L Đ, huyện V L, tỉnh H Y; Quốc tịch: Việt Nam;Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông D V D và bà Tr Th T; Có vợ là H Th V và chưa có con; Tiền án: Ngày 18/3/2016, Tòa án nhân dân huyện G L, thành phố H N xử 07 tháng tù về tội

Trộm cắp tài sản. Tòa án nhân dân huyện G L, thành phố H N đã ủy thác cho Tòa án huyện V L, tỉnh H Y ra quyết định thi hành án. Ngày 02/6/2016 Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh H Y đã ra quyết định thi hành án đối với D nhưng chưa gửi quyết định thi hành án cho người bị kết án và cơ quan thi hành án Công an huyện V L để thi hành. Đến nay đã hết thời hiệu thi hành án mà D chưa chấp hành hình phạt tù của bản án số 33/2016/HSST ngày 18/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện G L, thành phố H N; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/9/2014, Tòa án nhân dân huyện V L, tỉnh H Y xử 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, ngày 26/7/2005 Công an phường D V H, quận C G, thành phố H N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản và ngày 28/6/2021 Chủ tịch UBND xã L Đ, huyện V L, tỉnh H Y quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 3 tháng; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H Y; Có mặt.

Bị hại:

1. Anh Tr Đ H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Th Th, xã T L, huyện Y M, tỉnh H Y; Vắng mặt.

2. Chị Ph Th Tr, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn Gi C, xã T K, huyện Th M, tỉnh H D; Vắng mặt..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đ Th K O, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T D, xã T T, huyện V L, tỉnh H Y; Vắng mặt.

2. Chị N T M, sinh năm 1992;

3. Cháu Đ T Th, sinh năm 2010; Do chị N T M (mẹ của cháu Th) là người đại diện theo pháp luật;

Đều có địa chỉ: Thôn Ph L, xã V H, huyện V L, tỉnh H Y; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ V H và D V D là những người nghiện chất ma túy và có quan hệ quen biết nhau. Do không có tiền mua ma túy để sử dụng nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, khoảng 23 giờ 40 phút ngày 01/9/2022, H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ máy màu xanh gọi cho D, rủ đi trộm cắp tài sản thì D đồng ý. H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade màu trắng, biển số đăng ký 89L1-175.03 đến đón D. Khi đến nhà D, D điều khiển xe mô tô còn H ngồi sau. D điều khiển xe đi trên đường quốc lộ 5A đến khu vực Ngã tư P N, thị xã M H thì vòng xe lại đi theo chiều đường H P - H N rồi rẽ phải vào đường H S D, đi đến nhà của gia đình chị L T H G sinh năm 1972 hộ khẩu thường trú: tổ dân phố P N, phường B Y N, thị xã M H, tỉnh HY đang sửa chữa thì dừng lại.

Lúc này, D nói trên tầng 3 nhà của gia đình chị Gi có giàn giáo. Thấy vậy, H đi lên còn D ở lại cảnh giới. Do nhà đang sửa chữa nên không có cửa, H đi lên tầng 3 vào một phòng có 2 bộ giàn giáo của anh Tr Đ H đang thầu sửa chữa công trình cho gia đình chị Gi. H tiến lại tháo 02 bộ giàn giáo bằng kim loại (gồm 4 khung chân giáo, 10 thanh giằng giáo) mang xuống chỗ D đang đợi. D và H bê tài sản trộm cắp ra xe. Sau đó, D điều khiển xe mô tô (H ngồi xau giữ 2 bộ giàn giáo) đi đến cửa hàng phế liệu của chị Đ Th K O. D bán số giàn giáo trên cho chị O được 600.000 đồng. Sau đó, D cầm tiền rồi tiếp tục chở H đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua đèn xanh, đèn đỏ ngã tư phường D S, thị xã M H thì rẽ vào một ngõ nhỏ đi đến nhà chị N Th H sinh năm 1972 hộ khẩu thường trú TDP Th, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y đang xây dựng. D bảo H vào xem có gì không. D đứng ngoài trông xe, H đi vào quan sát không có ai, liền đi lên tầng 2 thấy có một máy khoan đục bê tông cầm tay màu ghi cam nhãn hiệu GOMES, Gb-5506 và 02 mũi khoan của chị Ph Th Tr là chủ thầu xây nhà cho chị H. H liền cầm xuống chỗ D đang đợi rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua ngã tư P N thì H bảo D lấy nốt 2 bộ giàn giáo của gia đình chị Gi lúc trước. D điều khiển xe mô tô đến nhà chị Gi rồi đứng ngoài cảnh giới, H đi lên tầng 3 lấy 02 bộ giàn giáo (gồm 4 khung chân giáo, 8 thanh giằng giáo, 3 sàn giáo) rồi mang xuống dưới. D cùng H bê ra xe. Sau đó D điều khiển, H ngồi sau bê 2 bộ giàn giáo đi đến khu vực thuộc TDP B, phường B Y N, thị xã M H thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện. Vật chứng thu giữ: 04 khung chân giáo bằng kim loại trong đó 2 khung chân giáo kích thước (1,26x1,5)m, 02 khung có kích thước (1,26x1,6)m; 04 bộ giằng giáo bằng kim loại mỗi bộ gồm 2 thanh kim loại được nối điểm trung tâm với nhau, mỗi thanh kim loại này đều có chiều dài 2m; 02 sàn giáo kiểu nan bằng kim loại đều có kích thước (1,5x0,32)m, bốn góc của mỗi sàn giáo có 4 bộ phận móc bằng kim loại; 01 sàn giáo đúc bằng kim loại kích thước (1,48x0,36)m, bốn góc của sản đúc này có 4 bộ phận móc bằng kim loại; 01 máy khoan cầm tay màu ghi cam có chữ GOMES, GB-5506; 02 mũi khoan bằng kim loại, một chiếc dài 0,34m, một chiếc dài 0,18m. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn quản lý của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng, bên trong lắp 1 sim và số tiền 600.000 đồng. Quản lý của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu xanh bên trong lắp 1 sim, số tiền 260.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade màu trắng biển số đăng ký 89L1-175.03.

Ngày 02/9/2022 anh Tr Đ H, chị Ph Th Tr có đơn trình báo sự việc.

Ngày 02/9/2022 chị Đ Th K O giao nộp cho Cơ quan điều tra: 04 khung chân giáo bằng kim loại kích thước (1,5x1,26) m; 05 bộ giằng giáo mỗi bộ gồm 2 thanh kim loại hình trụ tròn có chiều dài 2m, ở hai đầu thanh kim loại được

đục trụ lỗ tròn. Chị O trình bày các tài sản trên là chị mua của H, D vào sáng ngày 02/9/2022 với giá 600.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 40/KL-ĐG ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 04 khung chân giáo loại ống thép mạ kẽm kích thước (1,26x1,5)m; 10 thanh giằng giáo loại ống thép mạ kẽm có điểm nối ở giữa, mỗi thanh đều có chiều dài 2m. Tổng 4 khung chân giáo và 10 thanh giằng giáo trên có khối lượng 51,5kg. Giá của tài sản tại thời điểm là 1.236.000 đồng. 04 khung chân giáo loại ống thép mạ kẽm, trong đó có 02 khung chân giáo kích thước (1,26x1,5)m và 02 khung chân giáo kích thước (1,26x1,6)m do có gắn thêm bộ chồng nối; 08 thanh giằng giáo loại ống thép mạ kẽm, có điểm nối ở giữa mỗi thanh đều có chiều dài 2m. Tổng 4 khung chân giáo và 08 thanh giằng giáo trên có khối lượng 48,5kg. Giá của tài sản tại thời điểm là 1.164.000 đồng. 02 sàn giáo kiểu nan bằng sắt kích thước (1,5x0,32)m, 01 sàn giáo đúc bằng sắt kích thước (1,48x0,36)m. Tổng 3 sàn giáo bằng sắt trên có khối lượng 28kg. Giá trị thực tế tại thời điểm là 250.000 đồng. 01 máy khoan cầm tay màu ghi cam có chữ GOMES, GB-5506 đã qua sử dụng giá trị thực tế là 400.000 đồng; 01 mũi khoan bằng thép hợp kim chiều dài 0,34m giá trị thực tế là 30.000 đồng; 01 mũi khoan bằng thép hợp kim chiều dài 0,18m giá trị thực tế là 20.000 đồng.

Quá trình điều tra bị can H, D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu ở trên. Ngoài ra còn khai nhận ngày 01/9/2022 H, D có đi mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ ở ven đường D3 thuộc khu công nghiệp P N A, huyện V L, tỉnh H Y. Sau đó, H, D đi về nhà của mình và sử dụng hết số ma túy nói trên.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số đăng ký 89L1-175.03 là tài sản hợp pháp của chị N T M vàchiếc điện thoai Sam Sung màu xanh là tài sản hợp pháp của cháu Đ T Th. Chị M (là chị dâu của H) cho H mượn xe mô tô để làm phương tiện đi lại không biết H dùng xe mô tô để đi trộm cắp tài sản, cháu Th (là con chị M) cho H mượn điện thoại để liên lạc không biết H sử dụng điện thoại liên lạc đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với chị M và cháu Th. Chị M và cháu Th đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại trên.

Đối với chị Đ Th K O khi mua bộ giàn giáo trên chị O không biết nguồn gốc tài sản do bị can H, D phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với chị O. Chị đề nghị H, D phải liên đới bồi thường cho chị số tiền 600.000 đồng.

Đối với hành vi sử dụng ma túy Heroine tại nhà của H, D. Ngày 11/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M H đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V L để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 08 khung chân giáo, 18 thanh giằng giáo, 03 sàn giáo bằng kim loại đã qua sử dụng xác định là tài sản hợp pháp của anh Tr Đ H; 01 máy khoan cầm tay màu ghi cam có chữ GOMES, GB-5506 đã qua sử dụng, 02 mũi khoan xác định là tài sản hợp pháp của chị Ph Th Tr. Ngày 08/9/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh H và chị Tr. Anh H và chị Tr nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 260.000 đồng thu giữ của H là tiền của bị caó do lao động mà có bị can đề nghị nhận lại. Đối với số tiền 600.000 đồng thu giữ của D là tiền do phạm tội mà có. Đối với chiếc điện thoại Masstel màu vàng bên trong lắp 1 sim là tài sản của D đã dùng để liên lạc với H rủ đi trộm cắp tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSMH ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H truy tố bị cáo Đ V H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS và truy tố bị cáo D V D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo thành khẩn khai nhận các hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho mình.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 173 (đối với H); điểm g khoản 2 Điều 173 (đối với D); điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với H); điểm h, s khoản 1 (đối với H và D) và khoản 2 (đối với D) Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.Xử phạt bị cáo Đ V H từ 01 năm 06 tháng tù - 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/9/2022; bị cáo D V D từ 03 năm tù - 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/9/2022.Xử lý vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp khách quan với biên bản vụ việc được Công an thị xã M H lập đối với hành vi vi phạm pháp luật của Đ V H và D V D; các biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ cùng bản ảnh hiện trường; các biên bản cùng bản ảnh chỉ dẫn; lời khai của các bị hại là anh Tr Đ H và chị Ph Th Tr; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đ Th K O, đã mua một số bộ giàn giáo từ H và D; vật chứng thu giữ là toàn bộ số tài sản các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại; kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: Do không có tiền mua ma túy để sử dụng, Đ V H đã rủ D V D đi trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 40 phút ngày 01/9/2022 đến 03 giờ 15 phút ngày 02/9/2022, tại tổ dân phố P N, phường B Y N và TDP Th, phường D S, thị xã M H, tỉnh H Y, Đ V H và D V D lấy trộm 08 khung chân giáo, 18 thanh giằng giáo, 03 sàn giáo, đều bằng kim loại, có giá trị 2.650.000 đồng của anh Tr Đ H và lấy trộm 01 máy khoan cầm tay, 02 mũi khoan bằng kim loại, có giá trị 450.000 đồng của chị Ph Th Tr. Tổng giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt là 3.100.000 đồng.

[3] Bị cáo lợi dụng chủ sở hữu sơ hở, không có biện pháp trông giữ để chiếm đoạt tài sản, thể hiện ý thức lén lút, đã thoả mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Các tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị chưa đến 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H truy tố bị cáo Đ V H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với D V D, vào ngày 18/3/2016, TAND huyện G L, thành phố H Nđã kết án bị cáo về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm, mặc dù bản án này đã hết thời hiệu thi hành án, nhưng vẫn chưa hết thời hạn để được xóa án, nên hành vi phạm tội do cố ý bị xét xử lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M H truy tố bị cáo D V D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị cáo H đã bị kết án vào các ngày 20/12/2019 và 25/8/2021, trong khi cả hai bản án này đều chưa được xóa, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Đánh giá vai trò của các bị cáo thì thấy, H là người khởi xướng, rủ D đi lấy trộm tài sản, H cũng là người chuẩn bị phương tiện là xe máy, đến đón D và trực tiếp lấy tài sản, nên giữ vai trò chính; D là người điều khiển xe chở H,

đứng ngoài cảnh giới, mang tài sản đi tìm nơi tiêu thụ, thỏa thuận giá cả và cầm tiền bán tài sản chiếm đoạt, nên có vai trò sau H.

[6] Các bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện chất ma tuý, đã nhiều lần bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm, quyết tâm rèn luyện, phấn đấu trở thành người lao động có ích cho gia đình và xã hội, chỉ trong một thời gian ngắn sau khi chấp hành xong hình phạt tù, đã cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cùng loại; gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; thể hiện rõ ý thức chống đối, không tôn trọng pháp luật, bị dư luận xã hội lên án mạnh mẽ. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đồng thời tiếp tục cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội; hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn cho bị hại. Cho nên, H và D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo D có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[8] Hình phạt bổ sung: Hai bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với H và D.

[9] Trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh H và chị Tr, đồng thời các chủ sở hữu này đều không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, nên phần trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[10] Vật chứng: Trong số tiền 860.000 đồng đang quản lý, thì có 600.000 đồng là tiền các bị cáo bán tài sản chiếm đoạt cho chị Đ Th K O, do chị O không có lỗi trong việc mua bán, nên trả lại cho chị O; còn lại 260.000 đồng quản lý của H, do không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho H. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, BKS 89L1 - 175.03 là tài sản hợp pháp của chị N T M và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung là tài sản hợp pháp của cháu Đ T Th, cả chị M và cháu Th đều không có lỗi trong việc cho bị cáo H mượn tài sản của mình nên trả lại chiếc xe máy cho chị M và trả lại chiếc điện thoại cho cháu Th. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của D được bị cáo sử dụng để liên lạc với H, phục vụ vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước (riêng chiếc sim điện thoại thì tịch thu, cho tiêu hủy).

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 (đối với H); điểm g khoản 2 Điều 173 (đối với D); điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với H); điểm h, s khoản 1 (đối với H và D) và khoản 2 (đối với D) Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Đ V H và D V D phạm tội Trộm cắp tài sản.

3. Xử phạt:

3.1. Bị cáoĐ V H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/9/2022;

3.2. Bị cáo D V D 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/9/2022.

4. Vật chứng:

4.1. Trả lại chị Đ Th K O số tiền 600.000 đồng và trả lại bị cáo Đ V H số tiền 260.000 đồng (các khoản tiền này đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã M H);

4.2. Trả lại chị N T M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Blade, màu trắng, biển kiểm soát 89L1-175.03, số khung RLHJA3608EY003392, số mày JA36E0031216 và trả lại cháu Đ T Th (do chị N T M là người đại diện theo pháp luật của cháu Th nhận thay) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, bị nứt vỡ màn hình, bên trong lắp 01 sim viettel;

4.3. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu vàng (riêng chiếc sim lắp trong chiếc điện thoại này thì tịch thu, cho tiêu hủy).

5. Án phí: Đ V H và D V D; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H Y;
- VKSND thị xã M H;
- CQĐT, THA Hình sự thị xã M H;
- Chi cục THA Dân sự thị xã M H;
- Bị cáo; Bị hại; Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng